Thể đờm thấp, Thể tâm thận dương hư và Thể tâm tỳ hư

Pháp trị: hóa đờm trừ thấp.

Những bài thuốc và công thức huyệt sử dụng:

Bài thuốc hạ áp gia đào nhân, hồng hoa (xuất xứ 30 công thức thuốc) gồm: thục địa 20g, ngưu tất 10g, rễ nhàu 20g, trạch tả 10g, mã đề 20g, táo nhân 10g, hoa hoè 10g, đào nhân 12g, hồng hoa 8g.

Vị thuốc	Tác dụng	Vai trò
Thục địa	Ngọt, hơi ôn: bổ thận tư âm, bổ huyết	Quân
Ngưu tất	Chua, đắng, bình: bổ can thận, tính đi xuống	Quân
Rễ nhàu	Đắng, hàn: bình can, tiềm dương, an thần	Thần
Trạch tả	Ngọt, nhạt, mát: thanh tả thấp nhiệt ở bàng quang	Tá
Mã đề	Ngọt, hàn: lợi tiểu, thanh phế can phong nhiệt, thẩm bàng quang thấp khí	Tá
Táo nhân	Ngọt, chua, bình: dưỡng tâm, an thần, sinh tân, chỉ	Tá
Hoa hòe	Đắng, bình: thanh nhiệt, lương nguyết, chỉ huyết	Tá
Đào nhân	Ngọt, đắng, bình: hoạt huyết	Tá
Hồng hoa	Cay, ấm, hoạt huyết	Tá

Thể tâm thận dương hư

Pháp trị: ôn thông tâm dương (tâm dương hư), hồi dương cứu nghịch (tâm dương hư thoát).

Những bài thuốc y học cổ truyền có thể sử dụng:

+ Lục vị hồi dương ẩm

+ Hồi dương cấp cứu thang.

+ Sinh mạch tán.

Những bài thuốc và công thức huyệt sử dụng:

+ Bài thuốc Lục vị hồi dương thang: nhân sâm 8g, phụ tử (chế) 8g, đương quy 12g, đan sâm, nhục quế 6g, nhục thung dung 12g, ba kích 12g

Vị thuốc	Tác dụng	Vai trò
Nhân sâm	Ngọt, hơi đắng: bổ tâm khí, đại bổ nguyên khí, ích huyết sinh tân	Quân
Phụ tử	Cay, ngọt, rất nóng: bổ mệnh môn hỏa, kiện tỳ	Quân
Đương quy	Ngọt, cay, ấm: bổ huyết, hành huyết	Thần
Đan sâm	Đắng, lạnh: hoạt huyết, khử ứ	Tá
Nhục quế	Cay, ngọt, rất nóng: bổ mệnh môn hỏa, kiện tỳ,	Tá, sứ
Nhục thung	Ngọt, mặn, ấm: ôn bổ thận dương, nhuận trường	Tá

Ba kích	Cay, đắng, ấm: ôn thận dương	Tá

+ Bài thuốc sinh mạch tán gia vị: nhân sâm 40g, mạch môn 40g, ngũ vị tử 7 hột, hoàng kỳ 12g, cam thảo 6g.

Vị thuốc	Tác dụng	Vai trò
Nhân sâm	Ngọt, hơi đắng: bổ tâm khí, đại bổ nguyên khí, ích	Quân
Mạch môn	Ngọt, đắng, lạnh: nhuận phế, sinh tân dịch	Thần
Ngũ vị tử	Mặn, chua, ấm: liễm hãm, cố tinh	Tá
Hoàng kỳ	Ngọt, ấm: bổ tâm khí, thăng dương khí của tỳ	Tá
Cam thảo	Ngọt, ấm: bổ tỳ thổ, bổ trung khí	Sứ

+ Bài thuốc Hồi dương cứu cấp thang: phụ tử chế 4g, can khương 4g, nhục quế 4g, nhân sâm 12g, bạch truật 8g, phục linh 8g, ngũ vị tử 10 hột, trần bì 4g, cam thảo nướng 2g.

Vị thuốc	Tác dụng	Vai trò
Phụ tử	Ôn trung tán hàn, hồi dương cứu nghịch	Thần
Can	Ôn trung tán hàn, hồi dương cứu nghịch	Thần
Nhục quế	Cay, ngọt, rất nóng: bổ mệnh môn hỏa, kiện tỳ, dẫn	Thần
Nhân sâm	Ngọt, hơi đắng: bổ tâm khí, đại bổ nguyên khí, ích	Quân
Bạch truật	Ngọt, đắng, hơi ấm: kiện tỳ, táo thấp, cầm mồ hôi	Tá
Phục linh	Ngọt, bình: lợi tiểu thẩm thấp, kiện tỳ, an thần	Tá
Ngũ Vị Tử	Mặn, chua, ấm: liễm hãm, cố tinh	Tá
Trần bì	Cay, ấm: hòa khí, tiêu đàm	Tá
Cam thảo	Ngọt, ấm: bổ tỳ thổ, bổ trung khí	Sứ

+ Công thức huyệt sử dụng: đản trung, cự khuyết, khí hải, quan nguyên, cao hoang, nội quan
Thể tâm tỳ hư
Pháp trị: bổ ích tâm tỳ.
Những bài thuốc y học cổ truyền có thể dùng gồm:
+ Bài thuốc Quy tỳ thang gia vị: phục thần 3g, toan táo nhân 3g, long nhãn 3g,

nhân sâm 3g, hoàng kỳ 3g, bạch truật 3g, đương quy 3g, viễn chí 3g, đại táo 2 quả, mộc hương 1,5g, cam thảo 1g, uất kim 4g

Vị thuốc	Tác dụng	Vai trò
Phục thần	Tiết tâm nhiệt, bình ổn tâm thần	Quân
Toan táo	Ngọt, chua, bình: dưỡng tâm an thần, sinh tân dịch	Quân
Long nhãn	Bổ huyết, kiện tỳ	Quân
Nhân sâm	Ngọt, hơi đắng: bổ tâm khí, đại bổ nguyên khí, ích	Thần
Hoàng kỳ	Ngọt, ấm: bổ tâm khí, thăng dương khí của tỳ	Thần
Bạch truật	Ngọt, đắng, hơi ấm: kiện tỳ, táo thấp, cầm mồ hôi	Thần
Đương quy	Ngọt, cay, ấm: bổ huyết, hành huyết	Tá
Viễn chí	Đắng, ấm: bổ tâm thận, an thần	Tá
Đại táo	Ngọt, bình: bổ tỳ vị, điều hòa tính năng của thuốc	Tá
Mộc hương	Hành khí chỉ thống, kiện tỳ	Tá
Cam thảo	Ngọt, ấm: bổ tỳ thổ, bổ trung khí	Sứ
Uất kim	Cay, đắng, ôn; vào tỳ, can: hành khí, hành huyết, phá	Tá

+ Công thức huyệt sử dụng: đản trung, cự khuyết, tỳ du, cách du, thái bạch, phong long, nội quan.